

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-BQL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Mỹ phẩm Sài Gòn tại văn bản số 02.2024/GPMT.SCC ngày 14 tháng 6 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Công ty Cổ phần Mỹ phẩm Sài Gòn (sản xuất nước hoa, xà bông, dầu gội đầu, dầu xả tóc, chất tẩy rửa và kem dưỡng da quy mô 9.900 tấn sản phẩm/năm)” tại số 930 Nguyễn Thị Định, Khu công nghiệp Cát Lái - cụm II, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Môi trường tại Tờ trình ngày 11 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Mỹ phẩm Sài Gòn, địa chỉ trụ sở chính tại số 930 Nguyễn Thị Định, Khu công nghiệp Cát Lái - cụm II, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Công ty Cổ phần Mỹ phẩm Sài Gòn (sản xuất nước hoa, xà bông, dầu gội đầu, dầu xả tóc, chất tẩy rửa và kem dưỡng da quy mô 9.900 tấn sản phẩm/năm)” địa chỉ tại số 930 Nguyễn Thị Định, Khu công nghiệp Cát Lái - cụm II,

phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Công ty Cổ phần Mỹ phẩm Sài Gòn (sản xuất nước hoa, xà bông, dầu gội đầu, dầu xả tóc, chất tẩy rửa và kem dưỡng da quy mô 9.900 tấn sản phẩm/năm)”

1.2. Địa điểm hoạt động: số 930 Nguyễn Thị Định, Khu công nghiệp Cát Lái - cụm II, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0300767984, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 34 ngày 14 tháng 08 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 2381301636, chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 9 năm 2004 và chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 01 tháng 11 năm 2018 do Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

1.4. Mã số thuế: 0300767984.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất nước hoa, xà bông, dầu gội đầu, dầu xả tóc, chất tẩy rửa và kem dưỡng da.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở đầu tư:

- Tổng diện tích đất sử dụng: 16.906,8m².

- Công suất: sản xuất nước hoa, xà bông, dầu gội đầu, dầu xả tóc, chất tẩy rửa và kem dưỡng da quy mô 9.900 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Mỹ phẩm Sài Gòn:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Mỹ phẩm Sài Gòn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép môi trường: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành.

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Môi trường - Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Mỹ phẩm Sài Gòn;
- UBND TP.HCM;
- Sở TN&MT TP.HCM;
- UBND thành phố Thủ Đức;
- Công ty TNHH MTV DVCi Quận 2;
- Lãnh đạo Ban;
- Cổng thông tin điện tử BQL các KCX&CN;
- Lưu: VT, PQLMT, Tân (12).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Phạm Thanh Trục

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 7 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Cát Lái - cụm II, không xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng được xử lý sơ bộ tại 01 bể tự hoại 3 ngăn cùng với nước thải từ lavabo rửa tay, nước thải vệ sinh văn phòng được thu gom đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Cát Lái - cụm II tại hố ga số 1 trên đường C.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà xưởng được xử lý sơ bộ tại 01 bể tự hoại 3 ngăn cùng với nước thải từ lavabo rửa tay, nước thải vệ sinh khu vực xưởng, nhà ăn được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 35 m³/ngày.đêm để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Cát Lái - cụm II tại hố ga số 2 trên đường C.

- Nước thải sản xuất bao gồm: nước thải từ hoạt động kiểm nghiệm hóa lý, nước thải từ giặt trang phục bảo hộ lao động, nước thải từ công đoạn súc rửa máy móc, thiết bị và nước thải từ các bể hấp thụ giảm thiểu mùi hương, nước thải từ rửa lọc của hệ thống xử lý nước cấp được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 35 m³/ngày.đêm để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Cát Lái - cụm II tại hố ga số 2 trên đường C.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất → Bể thu gom → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể tuyển nổi → Bể điều hòa (hòa chung nước thải sinh hoạt khu vực xưởng sản xuất và nước thải từ nhà ăn) → Bể sinh học hiếu khí số 1 (bể Aerotank) → Bể sinh học hiếu khí số 2 (bể Aerotank) → Bể lắng → Bể xả thải → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Cát Lái - cụm II.

- Công suất thiết kế: 35 m³/ngày.đêm.

- Hoá chất sử dụng: NaOH, PAC, Polymer, Antifoam.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo cung cấp điện cho các thiết bị được hoạt động liên tục.
- Vận hành hệ thống xử lý theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp.
- Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ của các máy móc, tình trạng hoạt động của các bể để có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.
- Bố trí nhân viên quản lý vận hành trạm xử lý nước thải. Yêu cầu người quản lý, vận hành công trình xử lý nước thải phải có trình độ chuyên môn cần thiết và nắm bắt được một số nguyên tắc, thực hiện đúng các thao tác kỹ thuật về quản lý, vận hành công trình xử lý nước thải.
- Lập nhật ký vận hành với đầy đủ thông tin về lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, lượng hóa chất sử dụng và lượng bùn thải của hệ thống xử lý nước thải.
- Nếu có bất kỳ nguyên nhân nào làm một hạng mục/thiết bị hoặc toàn bộ hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động, khi đó Công ty sẽ giảm thiểu tối đa lượng nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất không cần thiết, có giải pháp thu gom và liên hệ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 2 để được hỗ trợ xử lý, không để nước thải chảy ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 01 tháng (bắt đầu vận hành thử nghiệm sau khi được cấp Giấy phép môi trường).

2.2. Công trình xử lý chất thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải công suất 35 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Đầu vào: tại vị trí bể thu gom của hệ thống xử lý.
- Đầu ra: tại bể xả thải của hệ thống xử lý.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm:

- Các chất ô nhiễm: Độ màu, pH, TSS, BOD₅, COD, Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho (tính theo P), Amoni (tính theo N), Clorua.
- Giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm: nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Cát Lái - cụm II.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải: bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Tách rời hoàn toàn hệ thống thu gom, thoát nước thải với hệ thống thu gom, thoát nước mưa; Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Cát Lái - cụm II, không được phép xả thải trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Cát Lái - cụm II.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 7 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (Cơ sở không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải: Không có.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không có.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Các nguồn khí thải thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý, cụ thể:

- Khí thải, mùi từ khu vực sản xuất xà bông được thu gom và thoát ra môi trường qua 01 ống thải cao khoảng 8,5m so với mặt đất, lưu lượng thải là 5.000 m³/giờ;

- Khí thải, nhiệt thừa từ khu vực nấu bồ kết được thu gom thoát ra môi trường qua 02 ống thải cao khoảng 4m so với mặt đất, lưu lượng thải là 2.400 m³/giờ.

Đối với các nguồn khí thải này, chủ cơ sở phải thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom, thoát khí thải, đảm bảo chất lượng khí thải đạt quy chuẩn cho phép.

3.2. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật khi xả bụi, khí thải không đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật cho phép ra môi trường, đồng thời phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-BQL ngày tháng 7 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: từ hoạt động của các bồn phối trộn sản xuất nước hoa.
- Nguồn số 02: từ hoạt động của các bồn phối trộn sản xuất dầu gội.
- Nguồn số 03: từ hoạt động của máy phối trộn sản xuất xà bông.
- Nguồn số 04: từ hoạt động của máy cán sản xuất xà bông.
- Nguồn số 05: từ hoạt động của dây chuyền chiết rót, đóng nắp nước hoa.
- Nguồn số 06: từ hoạt động của dây chuyền chiết rót, đóng nắp dầu gội.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1190765,74; Y = 612285,92.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1190736,00; Y = 612260,09.
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1190749,00; Y = 612276,13.
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 1190740,74; Y = 612286,11.
- Nguồn số 05: Tọa độ X = 1190751,07; Y = 612299,64.
- Nguồn số 06: Tọa độ X = 1190721,23; Y = 612274,91.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung tại chân máy móc, thiết bị.
- Kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của cơ sở, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 7 năm 2024 của
Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chứng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (Kg/năm)
1	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải (các vỏ can, phuy nhựa chứa hóa chất)	18 01 03	98.152
2	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải (các vỏ thùng phuy sắt chứa hóa chất)	18 01 02	24.612
3	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	4.637
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	100
5	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH) (Bóng đèn led)	16 01 13	137
6	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	50.708
7	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	1.300
8	Hóa chất hữu cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	19 05 04	3.000
9	Sản phẩm hữu cơ có các thành phần nguy hại	19 03 02	4.000
10	Sản phẩm vô cơ có các thành phần nguy hại	19 03 01	1.000
11	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	251

12	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	16
13	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	81
Tổng cộng			187.994

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Stt	Tên chất thải	Khối lượng (Kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	40.140
2	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	3.345
3	Sản phẩm hữu cơ khác với các loại trên (Bã bỏ kết thải bỏ)	3.702
4	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải	20
Tổng cộng		47.207

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 46,1 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng, phuy có nắp đậy và bao PE chứa riêng đối với từng loại chất thải, có dán mã chất thải.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 30 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa có kết cấu tường xây gạch kết hợp lưới B40, nền được tráng xi măng chống thấm, mái tôn che kín nắng mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ; trong kho được trang bị các khay sắt có gờ chống tràn nhằm ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất, dầu nhớt; bố trí dụng cụ phòng cháy chữa cháy và gắn biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường:

2.2.1 Thiết bị lưu chứa: Pallet, bao PE chứa riêng đối với từng loại chất thải:

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 15m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: kho lưu chứa có kết cấu tường gạch kết hợp lưới B40, mái tôn kiên cố đảm bảo che kín nắng, mưa; nền bê tông cốt thép được tráng xi măng đảm bảo chống thấm và có biển cảnh báo.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng nhựa đựng chất thải sinh hoạt chuyên

dụng, có nắp đậy.

2.3.2. Khu vực tập kết:

- Diện tích: 12m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực tập kết: mái tôn, nền bê tông chống thấm.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPM-T-BQL ngày tháng 7 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG SỐ 5091/QĐ-BQL NGÀY 12 THÁNG 12 NĂM 2018 CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH:

Nâng công suất hệ thống xử lý nước thải hiện hữu lên 45 m³/ngày đêm:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất → Bể thu gom → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể tuyển nổi → Bể điều hòa (hòa chung nước thải sinh hoạt khu vực xưởng sản xuất và nước thải từ nhà ăn) → Bể sinh học hiếu khí số 1 (bể MBBR) → Bể sinh học hiếu khí số 2 (bể MBBR) → Bể lắng → Bể xả thải → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Cát Lái - cụm II.

- Công suất sau khi cải tạo hệ thống xử lý nước thải: 45 m³/ngày.đêm.

- Hoá chất sử dụng: NaOH, PAC, Polymer, Antifoam.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Giảm thiểu chất thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất. Nghiên cứu, thực hiện trách nhiệm tái chế của nhà sản xuất theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Đảm bảo diện tích đất trồng cây xanh, thảm cỏ theo quy hoạch của Khu công nghiệp Cát Lái - cụm II.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.